

trên viên
phong gậy' không + bỏ' phần kê' trên thanh mẫu
chức hiện,
chấp
bất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2829/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí
áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ,
cấp cơ sở của Bộ Tư pháp**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp cơ sở của Bộ Tư pháp.

Các định mức không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1408/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp cơ sở của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Tổ chức khoa học và công nghệ của Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CLKHPL (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Khánh Ngọc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí áp dụng
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp cơ sở
của Bộ Tư pháp
(Kèm theo Quyết định số 2829/QĐ-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp bộ (1.000 đồng)	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở (1.000 đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học	Hội đồng		
	- Chủ tịch hội đồng		1.200	950
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	650
	- Thư ký hành chính		300	250
	- Thư ký khoa học		300	250
	- Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét, đánh giá		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		400	300
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		600	450
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện			
	- Chủ tịch hội đồng		600	450
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp bộ (1.000 đồng)	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở (1.000 đồng)
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	- Chủ tịch hội đồng		1.500	1.200
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	950
	- Thư ký hành chính		300	250
	- Thư ký khoa học		300	250
	- Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét, đánh giá		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		550	450
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		800	650
3	Chi thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	650
	- Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	600	450
	- Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	250
	- Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	150

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp bộ (1.000 đồng)	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở (1.000 đồng)
4	Chi tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	- Chủ tịch hội đồng		1.500	1.200
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	950
	- Thư ký hành chính		300	250
	- Thư ký khoa học		300	250
	- Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét, đánh giá		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		600	450
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		800	650
5	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	950

- Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp bộ quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Hội đồng tự đánh giá kết quả (nghiệm thu nội bộ của tổ chức chủ trì) nhiệm vụ cấp bộ mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quyết định này.

- Căn cứ vào nội dung, phạm vi, quy mô thực hiện của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan chủ quản, tổ chức chủ trì sẽ quyết định số lượng thành viên các hội đồng (tối đa là 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên), đại biểu được mời tham dự.

II. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng.

III. Định mức chi thù lao đối với các chức danh thực hiện nhiệm vụ

1. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (DM_{CN}) tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (DM_{CN}) tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng.

2. Định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Định mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước

3.1. Định mức thuê chuyên gia trong nước

Mức lương theo tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn trong nước (sau đây gọi là chuyên gia tư vấn) làm việc đủ thời gian theo tháng được quy định như sau:

Mức 1, không quá 32 triệu đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.

Mức 2, không quá 24 triệu đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì triển khai một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.

Mức 3, không quá 16 triệu đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

Mức 4, không quá 12 triệu đồng/tháng áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Định mức thuê chuyên gia ngoài nước

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

IV. Định mức chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công

tác ngăn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, quy định định mức chi hội thảo, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp bộ (1.000 đồng)	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở (1.000 đồng)
1	Người chủ trì	Buổi	1.600	1.250
2	Thư ký hội thảo, tọa đàm	Buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm	Báo cáo	2.500	2.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm	Báo cáo	1.200	950
5	Thành viên tham gia hội thảo, tọa đàm	Buổi	200	150

